

# VIETNAM DAILY

## [Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam tăng điểm sau khi IHS Markit công bố Chỉ số nhà quản trị mua hàng (PMI) tháng 11 của Việt Nam tăng lên 52.2 điểm, cao hơn tháng 10, cho thấy các điều kiện kinh doanh tiếp tục cải thiện

## [Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL tăng điểm tương đồng với diễn biến tích cực của thị trường cơ sở. Chênh lệch F2111 và chỉ số VN30 biến động giằng co trong biên độ -5.09 và 4.86 cho thấy tâm lý thận trọng của nhà đầu tư, và đóng cửa ở mức 1.14 điểm. Nhà đầu tư nước ngoài mua ròng trong phiên hôm nay với thanh khoản thị trường giảm nhẹ.

## [Thông tin doanh nghiệp]

DHC, HPG

## [Quan điểm đầu tư]

NĐT tiếp tục được khuyến nghị chỉ kê mua lại 1 phần tỷ trọng ngắn hạn khi giá cổ phiếu mục tiêu quay xuống các vùng hỗ trợ đáng lưu ý.

01/12/2021

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,485.19	+0.46
VN30	1,549.81	+0.79
HĐTL VN30F1M	1,553.90	+1.09
HNXIndex	455.81	-0.49
HNX30	755.46	-1.16
UPCoM	114.58	+0.42
USD/VND	22,710	-0.08
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.09	+0
Lãi suất qua đêm (%)	0.64	+9
Dầu (WTI, \$)	68.57	+3.61
Vàng (LME, \$)	1,779.19	+0.26



# Điểm nhấn thị trường

**VNIndex** 1,485.19 (+0.46%)  
**KLGD (triệu CP)** 876.7 (-12.8%)  
**GTGD (triệu US\$)** 1,171.0 (-22.7%)

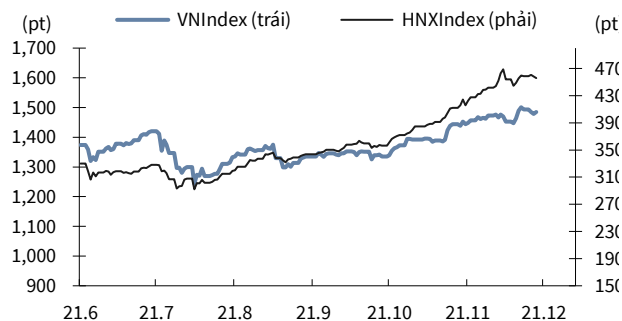
**HNXIndex** 455.81 (-0.49%)  
**KLGD (triệu CP)** 135.4 (-28.2%)  
**GTGD (triệu US\$)** 140.6 (-20.6%)

**UPCoM** 114.58 (+0.42%)  
**KLGD (triệu CP)** 102.7 (-14.8%)  
**GTGD (triệu US\$)** 88.6 (-20.7%)

**NĐTNN mua ròng (triệu US\$)** -49.3

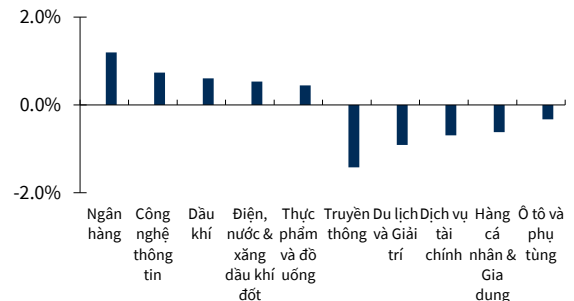
TTCK Việt Nam tăng điểm sau khi IHS Markit công bố Chỉ số nhà quản trị mua hàng (PMI) tháng 11 của Việt Nam tăng lên 52.2 điểm, cao hơn tháng 10, cho thấy các điều kiện kinh doanh tiếp tục cải thiện. Theo Tổng cục Thống kê, trong tháng 11, vốn đầu tư công ước đạt 48.5 nghìn tỷ đồng, tăng 14.7% so với tháng 10/2021 giúp cổ phiếu nguyên vật liệu tăng giá ở NNC (+0.5%), HPG (+0.1%). Phó Thủ tướng Lê Minh Khái ký Nghị định 103 quy định mức thu lệ phí trước bạ đối với ô tô sản xuất, lắp ráp trong nước, theo đó từ ngày 1/12/2021 đến 31/5/2022, lệ phí trước bạ nộp lần đầu với ô tô, rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc được kéo bởi ô tô và các loại xe tương tự sản xuất, lắp ráp trong nước được giảm 50% giúp cổ phiếu ô tô tăng giá ở HTL (+6.2%), HAX (+1.3%). Một số đường bay nội địa chính được tăng tần suất tăng lên không quá 16 chuyến khứ hồi/ngày trong giai đoạn nửa đầu tháng 12 và không quá 20 chuyến trong nửa sau của tháng giúp cổ phiếu hàng không tăng giá ở HVN (+0.2%). Khối ngoại bán ròng mạnh ở VHM (-2.1%), VIC (+1%), MSN (+0.5%)

## VNIndex & HNXIndex



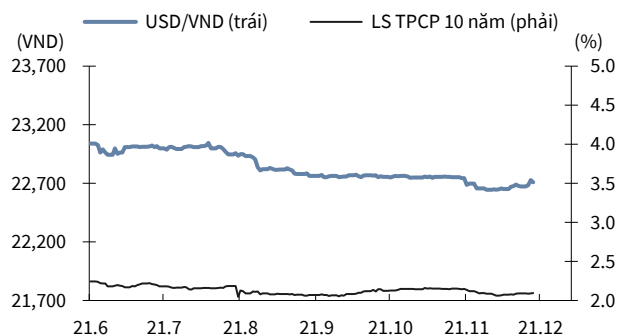
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Biến động nhóm ngành



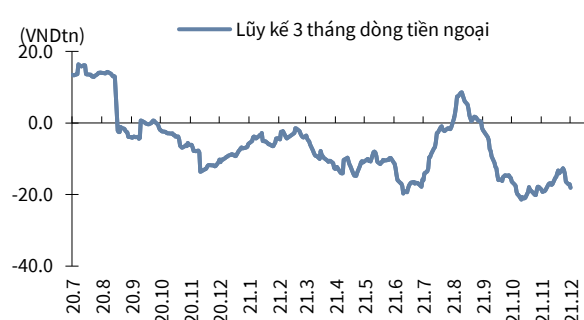
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

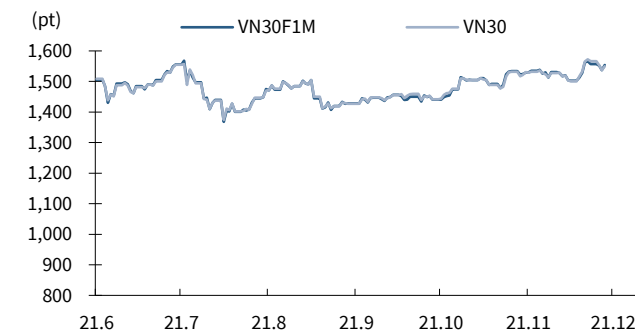
# Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

<b>VN30</b>	<b>1,549.81 (+0.79%)</b>
<b>VN30F1M</b>	<b>1,553.9 (+1.09%)</b>
<b>Mở cửa</b>	<b>1,536.9</b>
<b>Cao nhất</b>	<b>1,553.9</b>
<b>Thấp nhất</b>	<b>1,530.3</b>

Các HĐTL tăng điểm tương đồng với diễn biến tích cực của thị trường cơ sở. Chênh lệch F2111 và chỉ số VN30 biến động giảm co trong biên độ -5.09 và 4.86 cho thấy tâm lý thận trọng của nhà đầu tư, và đóng cửa ở mức 1.14 điểm. Nhà đầu tư nước ngoài mua ròng trong phiên hôm nay với thanh khoản thị trường giảm nhẹ.

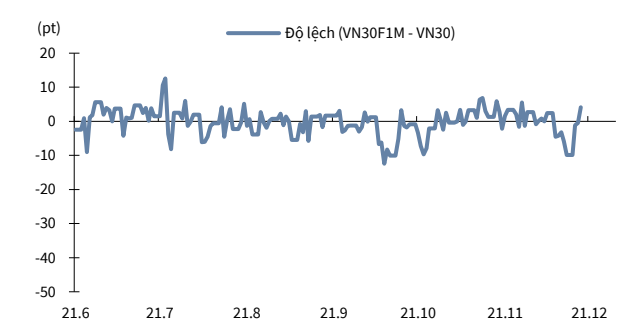
<b>KLGD (HĐ)</b>	<b>160,617 (-5.6%)</b>
------------------	------------------------

**HĐTL VN30F1M & VN30**



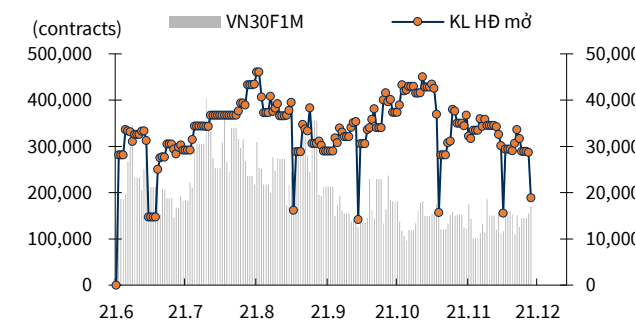
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

**Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30**



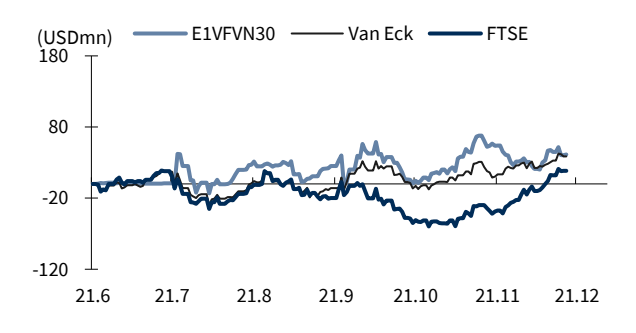
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

**KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở**



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

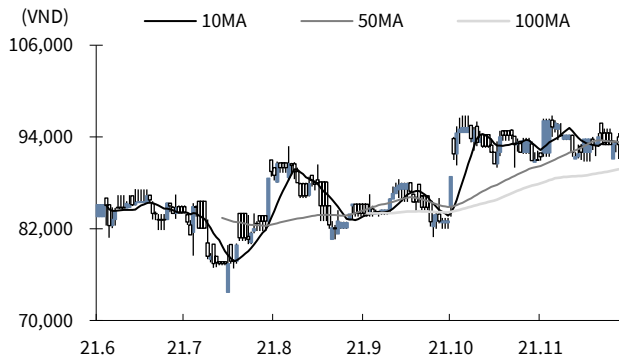
**Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn**



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

# Thông tin doanh nghiệp

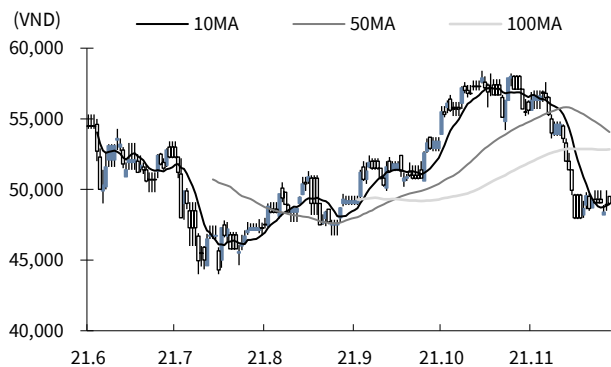
## CTCP Đông Hải Bến Tre (DHC)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- DHC giảm 0.3% xuống 93,000 VND/cp
- Đông hải Bến Tre dự kiến điều chỉnh tăng kế hoạch lợi nhuận 2021 từ 399 tỷ đồng lên 450 tỷ đồng, tăng 12.7% và doanh thu 2021 tăng 8.6% từ 3,500 tỷ đồng lên 3,800 tỷ đồng, tăng 8.6%. Đồng thời, tỷ lệ cổ tức năm 2021 cũng được điều chỉnh tăng từ 35% lên 50%.

## CTCP Tập đoàn Hòa Phát(HPG)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- HPG tăng 0.1% lên 49,000 VND/cp
- Tập đoàn Hòa Phát thông tin vào ngày 30/11, Công ty cổ phần Điện máy gia dụng Hòa Phát đã khởi công xây dựng nhà máy sản xuất hàng gia dụng tại Khu công nghiệp Hòa Mạc, tỉnh Hà Nam. Nhà máy có quy mô diện tích hơn 14 ha có công suất các mặt hàng trong khoảng 1 triệu sản phẩm/năm, dự kiến hoàn thành xây dựng trong 5 tháng. Sản phẩm của nhà máy bao gồm máy làm mát không khí, máy lọc nước và máy lọc không khí.

# Quan điểm kỹ thuật

## Xu hướng & Hành động

### Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex giảm điểm giảm co trong phiên trước khi bật tăng trở lại về cuối phiên.
- Vùng hỗ trợ gần 146x đã cho phản ứng sớm, giúp chỉ số lấy lại trạng thái cân bằng hơn sau một phiên phân phối. Mặc dù vậy, xung lực tăng điểm chỉ tập trung ở một vài nhóm cổ phiếu vốn hoá lớn cùng với sự sụt giảm về thanh khoản cho thấy khả năng thị trường sẽ còn trải qua diễn biến giảm co điều chỉnh để tạo nền giá ổn định hơn.
- NĐT tiếp tục được khuyến nghị chỉ kê mua lại 1 phần tỷ trọng ngắn hạn khi giá cổ phiếu mục tiêu quay xuống các vùng hỗ trợ đáng lưu ý.

## Chỉ số VN30



## Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

### Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1575 - 1580

Kháng cự gần: 1563 - 1567

Hỗ trợ gần: 1541 - 1544

Hỗ trợ xa: 1536 - 1539

— F1 tăng điểm giảm cơ trong biên độ hẹp trước khi bật tăng mạnh về cuối phiên.

— Với việc lấy lại xung lực tăng điểm tích cực, F1 sẽ có cơ hội thử thách lại vùng kháng cự gần tại quanh 1565 (+2) trong phiên kế tiếp. Mặc dù áp lực rung lắc sẽ trở nên rõ nét hơn, vùng hỗ trợ gần quanh 154x sẽ đóng vai trò điểm đỡ gần đáng lưu ý của chỉ số.

— Chiến lược giao dịch trong phiên: Tiếp tục áp dụng chiến lược giao dịch linh hoạt 2 chiều, bán tại kháng cự và mua tại hỗ trợ.

— Chiến lược giao dịch qua đêm: Tạm đứng ngoài sau khi đã chốt lời các vị thế Long còn lại.

*Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.*

# KBSV danh mục đầu tư mẫu

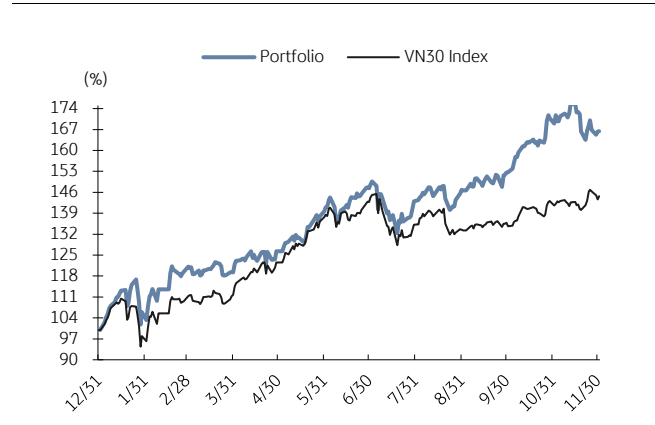
Khối phân tích KBSV

## Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	0.79%	0.12%
Tăng lũy kế (YTD)	44.74%	66.49%

## So sánh hiệu suất với VN30 Index



## Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 01/12/2021	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	138,900	0.0%	79.8%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa DMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	55,200	-1.1%	152.2%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	97,300	-0.6%	27.7%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Nam Tan Uyen (NTC)	11/11/2021	194,000	0.5%	0.5%	- Khu Công nghiệp NTC-3 được phê duyệt đóng góp tăng trưởng 2022 - Triển vọng tích cực trong dài hạn của ngành khu công nghiệp - Cấu trúc tài chính lành mạnh
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	69,900	-0.9%	107.4%	- Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	98,200	1.1%	233.5%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	34,000	1.3%	77.5%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	98,500	0.2%	33.9%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	49,000	0.1%	238.2%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbạc City Development (KBC)	09/03/2020	50,200	0.4%	265.0%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam



# Thống kê thị trường

## HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
CTG	1.3%	25.1%	68.2
DCM	5.9%	4.9%	20.0
STB	3.5%	17.2%	19.2
HVN	0.2%	5.9%	12.0
VRE	-0.3%	29.6%	11.1

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VHM	-2.0%	23.1%	-165.1
VIC	1.0%	13.6%	-148.9
MSN	0.5%	32.4%	-106.7
GAS	0.2%	2.8%	-56.9
VJC	-2.0%	16.9%	-47.8

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
PVG	1.4%	0.7%	0.6
PVL	0.0%	1.0%	0.6
KVC	9.1%	0.2%	0.4
NDN	-1.8%	1.3%	0.3
PSD	2.0%	0.9%	0.2

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
CEO	-5.2%	16.0%	-26.1
HUT	9.6%	16.0%	-11.2
CTB	8.3%	16.0%	-8.0
IVS	2.3%	16.0%	-4.4
THD	0.1%	16.0%	-4.0

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Xây dựng và Vật Liệu	6.7%	VCG, VGC
Ô tô và phụ tùng	5.8%	TCH, HHS
Bất động sản	5.2%	VIC, NVL
Hóa chất	3.5%	GVR, DCM
Y tế	2.8%	TNH, DCL

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Du lịch và Giải trí	-5.5%	VJC, HVN
Hàng cá nhân & Gia dụng	-4.2%	PNJ, TCM
Dầu khí	-4.1%	PLX, PVD
Ngân hàng	-3.9%	VCB, TCB
Bán lẻ	-3.0%	MWG, DGW

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Dịch vụ tài chính	22.8%	SSI, VND
Ô tô và phụ tùng	18.2%	TCH, HHS
Xây dựng và Vật Liệu	15.6%	VGC, VCG
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	11.0%	GEX, TMS
Bán lẻ	7.1%	MWG, DGW

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-12.6%	GAS, VSH
Tài nguyên Cơ bản	-10.8%	HPG, HSG
Du lịch và Giải trí	-5.7%	VJC, HVN
Bảo hiểm	-3.4%	BVH, MIG
Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.2%	PNJ, TCM

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam



## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND tỷ, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	279,565 (12.3)	22.5	88.1	67.7	14.7	4.3	5.7	4.4	4.1	1.0	12.6	10.6	10.2
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	630,537 (27.8)	26.6	10.3	8.8	35.9	31.6	27.9	2.9	2.3	-2.0	-1.0	-1.7	20.4
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	270,575 (11.9)	17.8	36.6	21.0	-7.6	6.2	9.7	2.2	2.1	-0.3	-4.5	-4.7	-5.4
	NVL	NO VA LAND INVES	60,068	86,712 (3,768)	339,713 (15.0)	31.3	39.4	23.1	6.7	18.0	16.3	4.7	3.9	3.6	7.1	4.0	137.0
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	31,182	19,167 (833)	131,453 (5.8)	11.6	26.7	19.1	18.0	13.0	14.7	3.1	2.6	-1.0	-1.9	-6.1	72.7
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	395,521 (17.4)	13.9	19.8	14.0	-	15.3	17.9	2.8	2.3	1.7	24.8	40.0	139.7
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	102,000	378,305 (16,441)	99,089 (4.4)	6.3	17.6	14.6	11.7	20.2	20.3	3.2	2.6	0.1	-5.5	2.1	1.1
	BID	BANK FOR INVESTM	43,400	174,556 (7,586)	127,267 (5.6)	12.7	19.8	15.0	-5.3	13.2	16.0	2.1	1.9	-0.2	-3.8	6.0	-7.5
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	1,099,233 (48.5)	0.0	10.7	9.1	14.3	20.8	19.8	2.0	1.7	1.2	-5.6	1.6	66.3
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	457,502 (20.2)	1.4	12.5	9.0	61.1	16.3	19.6	1.7	1.4	1.3	-4.0	5.6	27.0
	VPB	VIETNAM PROSPERI	22,944	101,381 (4,406)	562,101 (24.8)	0.0	13.4	11.2	18.8	18.4	16.9	2.2	1.8	0.5	1.6	0.9	109.9
	MBB	MILITARY COMMERC	19,407	73,327 (3,187)	441,589 (19.5)	0.0	9.3	7.8	14.6	21.7	21.7	1.8	1.5	1.7	-4.5	3.9	74.8
	HDB	HDBANK	20,400	40,641 (1,766)	229,491 (10.1)	4.2	11.1	10.0	23.3	21.1	19.4	2.2	1.8	4.9	-4.5	26.5	68.4
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	672,599 (29.6)	14.0	18.2	13.6	26.5	10.5	12.1	1.6	1.5	3.5	-1.8	12.4	76.9
	TPB	TIEN PHONG COMME	27,850	28,732 (1,249)	177,495 (7.8)	0.0	11.6	9.6	37.5	22.1	20.5	2.2	1.8	7.0	-1.7	11.2	80.0
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,500	22,745 (988)	24,134 (1.1)	0.2	-	-	27.3	-	-	-	-	-0.2	-7.0	17.4	42.1
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	90,714 (4.0)	21.0	26.0	24.8	15.8	8.6	8.6	2.1	2.0	0.2	-2.7	-4.7	-7.4
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	43,016 (1.9)	14.2	22.7	19.5	9.1	10.9	12.6	2.1	2.0	0.4	0.8	-0.4	77.6
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	21,998	19,947 (867)	1,162,469 (51.3)	55.4	28.2	25.3	-3.2	17.3	17.7	-	-	-1.3	3.8	33.3	152.4
	VCI	VIET CAPITAL SEC	27,500	9,108 (396)	420,100 (18.5)	71.9	-	-	-4.0	-	-	-	-	-2.0	1.0	15.0	168.7
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	283,093 (12.5)	52.4	-	-	-19.0	-	-	-	-	-1.5	2.0	22.2	101.5
	VND	VNDIRECT SECURIT	17,211	5,734 (249)	626,698 (27.6)	27.2	17.1	28.9	36.3	-	-	5.7	5.2	-1.3	-4.2	32.0	315.4
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	299,857 (13.2)	42.1	18.7	17.5	4.0	32.9	33.2	5.5	5.3	-0.1	0.0	-2.8	-19.6
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	18,803 (0.8)	36.9	28.8	23.2	7.3	17.6	19.4	4.5	3.9	1.6	-6.8	-3.4	-19.7
	MSN	MASAN GROUP CORP	95,100	111,712 (4,855)	201,123 (8.9)	16.5	37.3	27.3	-51.9	32.2	21.4	8.5	6.1	0.5	-4.5	3.0	68.6
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	99,268 (4.4)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	0.8	7.5	13.1	-38.9
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	112,660 (5.0)	11.0	-	33.6	-88.5	0.4	16.2	-	-	-2.0	-9.2	-7.7	-4.0
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	197,817 (8.7)	10.8	29.3	20.1	-57.0	9.1	12.6	2.5	2.3	-0.4	-3.3	-3.9	52.1
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	249,969 (11.0)	38.4	122.2	17.3	65.7	1.3	8.3	1.7	1.6	-2.7	7.6	26.2	35.0
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	158,668 (7.0)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	6.9	9.1	28.0	192.9
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	737,110 (32.5)	37.7	-	-	-13.2	12.3	11.9	-	-	2.1	12.3	76.6	178.5
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	57,548 (2.5)	3.6	41.0	19.9	-52.4	1.8	3.7	0.7	0.7	0.0	10.0	9.4	3.0
	REE	REE	59,600	18,419 (800)	49,655 (2.2)	0.0	12.7	10.1	-4.5	13.6	14.4	1.6	1.4	-0.9	3.4	-2.9	42.8

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)				
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD	
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	167,445 (7.4)	46.1	20.1	15.7	-17.5	19.3	22.0	3.8	3.4	0.2	-4.4	-	18.8	13.7
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	26,315 (1.2)	31.4	12.4	8.6	-10.5	11.3	15.2	1.5	2.0	0.4	2.1	-3.4	-8.9	
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	6,715 (0.3)	34.1	16.6	12.6	-5.1	8.9	11.6	1.4	1.5	0.0	0.2	-0.6	-6.1	
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	32,481	145,287 (6,314)	1,552,646 (68.5)	18.0	6.4	6.5	21.9	43.1	30.3	2.3	1.7	0.1	0.7	-	12.0	59.6
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	303,181 (13.4)	36.5	8.9	13.1	-0.5	26.8	16.2	2.1	1.9	3.6	7.6	4.8	177.7	
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	300,887 (13.3)	46.5	18.1	17.7	-4.5	20.3	18.3	3.1	2.8	5.9	10.9	18.4	187.5	
	HSG	HOA SEN GROUP	22,636	11,063 (481)	400,851 (17.7)	38.9	5.9	6.4	67.9	25.8	19.2	1.4	1.1	-0.6	3.6	-	14.6	95.2
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	144,700 (6.4)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	3.3	2.4	-0.9	32.9	
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	165,709 (7.3)	4.6	20.0	16.7	-51.0	15.6	17.2	2.9	2.9	0.4	-4.7	0.7	-0.5	
	PVD	PETROVIETNAM DRI	23,400	9,854 (428)	255,232 (11.3)	39.9	427.7	30.0	-11.9	0.2	3.4	0.8	0.8	2.0	0.0	0.9	71.3	
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	113,993 (5.0)	35.9	11.5	9.3	1.2	14.3	16.7	1.5	1.4	1.7	0.0	-3.8	71.4	
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	93,000	65,024 (2,826)	205,426 (9.1)	0.0	20.4	15.9	13.7	26.4	28.1	4.7	4.1	0.0	-3.5	6.8	75.2	
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	87,500	19,895 (865)	74,040 (3.3)	0.0	23.7	16.1	2.4	18.3	23.3	3.9	3.3	-0.6	-7.9	-3.8	20.1	
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	11,667 (0.5)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	-0.6	-5.8	5.0	-63.3	
	FRT	FPT DIGITAL RETA	28,200	2,227 (097)	85,472 (3.8)	30.3	39.5	27.1	-75.2	10.2	13.7	3.8	3.4	6.0	4.4	12.0	92.2	
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	86,726 (3.8)	34.6	26.5	10.7	41.2	13.4	30.4	3.0	2.6	-0.8	3.1	23.2	16.3	
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	3,197 (0.1)	45.4	18.6	17.5	10.7	19.9	19.3	3.4	3.1	-1.0	1.0	-0.3	-1.9	
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	170 (0.0)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	2.7	3.1	-8.9	0.7	
IT	FPT	FPT CORP	68,000	61,301 (2,664)	214,841 (9.5)	0.0	21.1	17.6	15.5	24.2	25.6	4.6	4.3	1.1	0.3	2.5	91.1	

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

---

**Nguyễn Xuân Bình**  
Giám đốc Khối Phân tích  
binhnx@kbsec.com.vn

### Phân tích Doanh nghiệp

**Dương Đức Hiếu**  
Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp  
hieudd@kbsec.com.vn

**Nguyễn Anh Tùng**  
Chuyên viên cao cấp – Tài chính & Công nghệ  
tungna@kbsec.com.vn

**Phạm Hoàng Bảo Nga**  
Chuyên viên cao cấp – Bất động sản nhà ở  
ngaphb@kbsec.com.vn

**Lê Anh Tùng**  
Chuyên viên cao cấp – Dầu Khí & Ngân hàng  
tungla@kbsec.com.vn

**Nguyễn Ngọc Hiếu**  
Chuyên viên phân tích – Năng lượng & Vật liệu xây dựng  
hieunn@kbsec.com.vn

**Phạm Nhật Anh**  
Chuyên viên phân tích – Bất động sản công nghiệp & Logistics  
anhpn@kbsec.com.vn

**Lương Ngọc Tuấn Dũng**  
Chuyên viên phân tích – Bán lẻ & Hàng tiêu dùng  
dunglnt@kbsec.com.vn

**Khối Phân tích**  
research@kbsec.com.vn

### Phân tích Vĩ mô & Chiến lược đầu tư

**Trần Đức Anh**  
Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược Đầu tư  
anhtd@kbsec.com.vn

**Lê Hạnh Quyên**  
Chuyên viên phân tích – Vĩ mô & Ngân hàng  
quyenlh@kbsec.com.vn

**Thái Hữu Công**  
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap  
congth@kbsec.com.vn

**Trần Thị Phương Anh**  
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap  
anhhttp@kbsec.com.vn

### Bộ phận Hỗ trợ

**Nguyễn Cẩm Thơ**  
Chuyên viên hỗ trợ  
thonc@kbsec.com.vn

**Nguyễn Thị Hương**  
Chuyên viên hỗ trợ  
huongnt3@kbsec.com.vn

## CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

---

### Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

### Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

### Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

### Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

## LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: [ccc@kbsec.com.vn](mailto:ccc@kbsec.com.vn)

Website: [www.kbsec.com.vn](http://www.kbsec.com.vn)

## Hệ thống khuyến nghị

---

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.